

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 78./2018/CV-JVC
(V/v: Về công bố Báo cáo
thường niên 2017)

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hà Thanh**
- Địa chỉ: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 043 683 0516
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố thông tin về Báo cáo thường niên 2017 (01/04/2017-31/03/2018) của Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật.

Thông tin trên đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
http://ytevietnhat.com.vn/quan-he-co-dong_t370c37tn.aspx

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên 2017

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ THỊ HÀ THANH



CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty	5
Thông tin cổ phiếu và cổ đông	6
Tóm tắt thông tin tài chính 2015-2017	8
Thông điệp tổng kết năm 2017	10
Lịch sử hình thành và phát triển	12
Lĩnh vực hoạt động	14
Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý	20
Bộ máy quản lý	22

PHẦN II: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2017

Báo cáo của HĐQT	27
Báo cáo giám sát và đánh giá Ban giám đốc	28
Hoạt động của HĐQT	29
Báo cáo của Ban giám đốc	34
Báo cáo của Ban kiểm soát	41
Báo cáo quản trị rủi ro	43
Báo cáo phát triển bền vững	44

PHẦN III: ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 2018

45

PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

47



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CÔNG TY

- **Tên tiếng Việt:** Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- **Tên tiếng Anh:** Japan Vietnam Medical Instrument JSC
- **Tên viết tắt:** JVC
- **Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế:** 0101178800
- **Vốn điều lệ:** 1.125.001.710.000 đồng
- **Trụ sở chính:**
 - Địa chỉ: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Số điện thoại: 024.3683.0516
 - Số fax: 024.3683.0578
- **Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**
 - Địa chỉ: Tầng 05 - Tòa nhà văn phòng - Cao ốc Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Lô C, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại: 028.3920.7283 & 028.3920.7184
 - Số fax: 028.3920.5873
- **Website:** www.ytevietnhat.com.vn

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

- Mã cổ phiếu: JVC
- Được niêm yết ngày 21/06/2011 trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)
- Năm tài chính kết thúc ngày: 31/03
- Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.125.001.710.000 đồng
- Vốn thực góp của cổ đông: 1.125.001.710.000 đồng
- Tổng khối lượng cổ phiếu đã phát hành và niêm yết: 112.500.171 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu phổ thông: 112.500.171 cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu)
 - Số lượng cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 112.500.171 cổ phiếu
- Vốn hóa tại ngày 31/03/2018: 527.625.801.990 đồng
- Giá cao nhất giai đoạn từ ngày 01/04/2017 đến ngày 31/03/2018: 6.130 đồng
- Giá thấp nhất giai đoạn từ ngày 01/04/2017 đến ngày 31/03/2018: 2.790 đồng

- Thống kê danh sách cổ đông (số lượng cổ phần, tỷ lệ sở hữu) (Danh sách chốt của VSD ngày 21/07/2017):
 - Cổ đông lớn ($\geq 5\%$):
 - Cổ đông nước ngoài: 4
 - Cổ đông trong nước: 0
 - Cổ đông khác ($< 5\%$):
 - Cổ đông nước ngoài: 70
 - Cổ đông trong nước: 3.436
- Tổng cộng (trong nước & nước ngoài): 3.510

Bảng 1. Danh sách các cổ đông lớn (Danh sách chốt của VSD ngày 21/07/2017):

STT	Mã cổ phiếu	Cá nhân/ tổ chức	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	JVC	DI ASIAN INDUSTRIAL FUND, L.P.	19,35%
2	JVC	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	8,67% (*)
3	JVC	VIETNAM EQUITY HOLDING	6,29%
4	JVC	DREAM INCUBATOR INC.	5,85%

* Theo Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng của Deutsch Bank AG, Chi nhánh TP. HCM ngày 07/02/2018, PYN ELITE FUND (NON-UCITS) có tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ là 11%.

- Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Cổ đông:
 Email: qhcd@yateviethat.com.vn
 Website Quan hệ cổ đông: www.yateviethat.com.vn/quan-he-co-dong_t370c37tn.aspx;

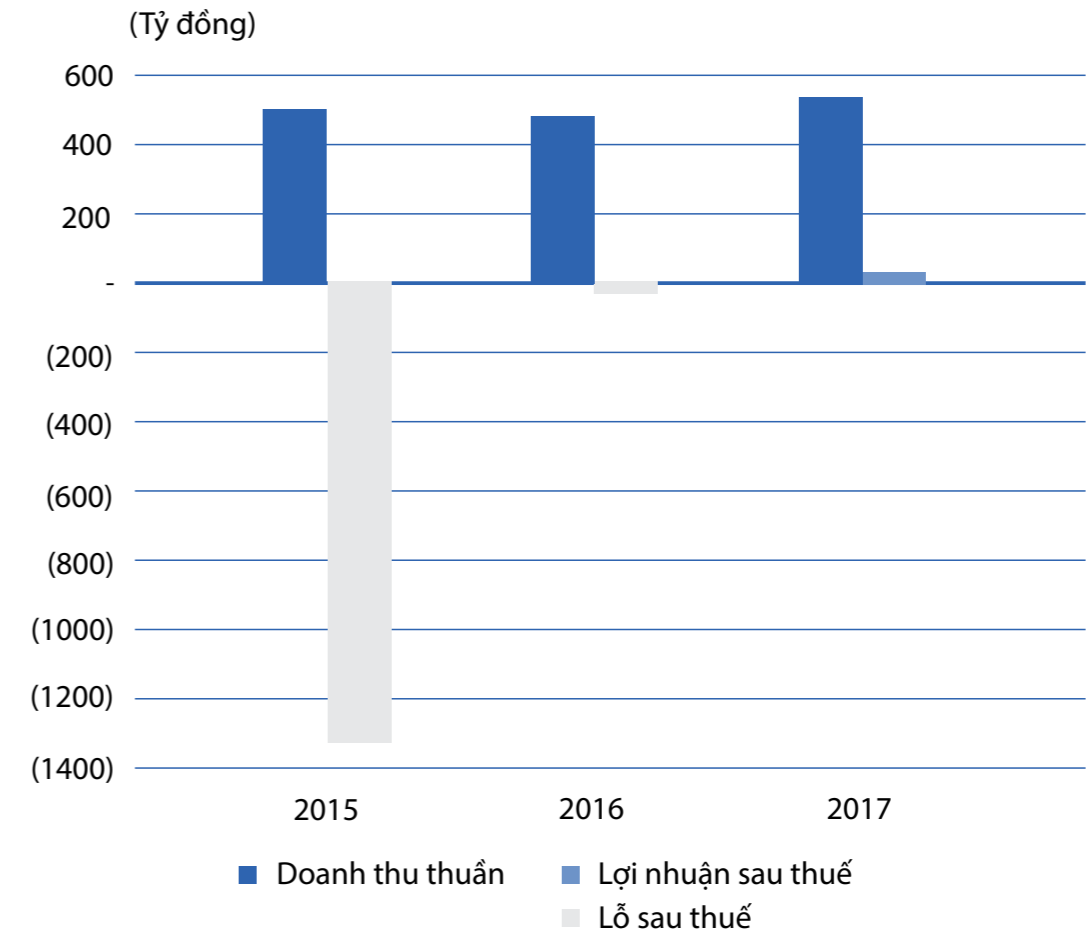


TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH 2015-2017

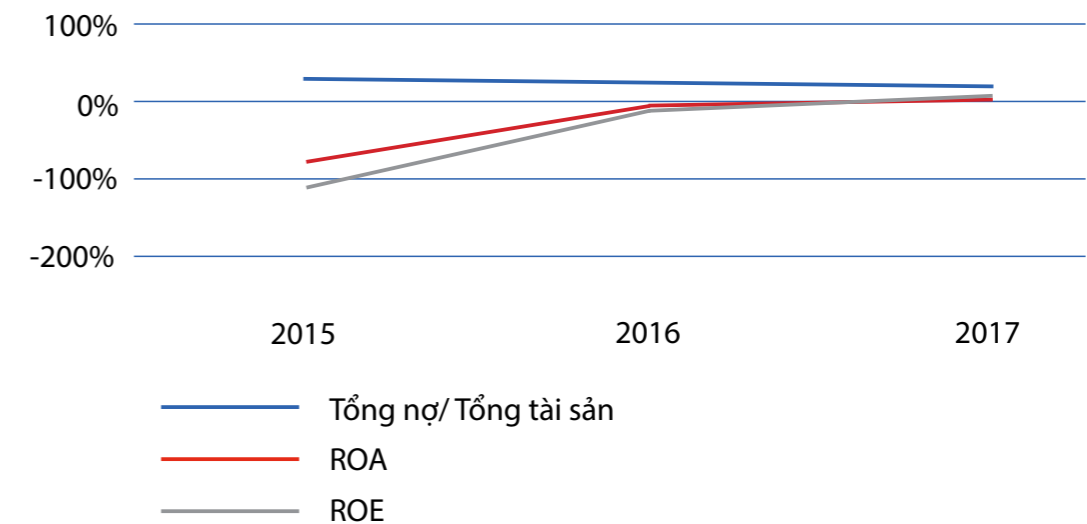
Bảng 2. Chỉ tiêu tài chính cơ bản (Giai đoạn 2015-2017)

	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	507.337.536.914	499.432.257.611	542.017.039.428
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	(1.336.021.050.284)	(37.409.757.047)	10.663.186.419
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế	(1.335.781.919.222)	(39.457.111.201)	10,516,010,563
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(11.874)	(351)	93
Tổng tài sản	841.489.410.718	724.832.393.518	664.937.956.277
Tổng nợ phải trả	285.069.333.888	207.869.427.889	137.458.980.085
Vốn chủ sở hữu	556.420.076.830	516.962.965.629	527.478.976.192
Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	66,12%	71,32%	79,33%
Tổng nợ/ Tổng tài sản	33,88%	28,68%	20,67%
ROA	-78,74%	-5,04%	1,51%
ROE	-109,10%	-7,35%	2,01%

Biểu đồ 1. Doanh thu thuần và Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế



Biểu đồ 2. ROA, ROE, tổng nợ/ tổng tài sản



THÔNG ĐIỆN TỔNG KẾT NĂM 2017



NHÌN LẠI NĂM 2017

Trong thời gian qua, đi cùng với sự phát triển kinh tế vĩ mô, lĩnh vực Y tế Việt Nam cũng phát triển mạnh mẽ; việc sử dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động khám, chữa bệnh cũng trở nên phổ biến hơn và thường xuyên được cập nhật, đổi mới. Đây là cơ hội lớn cho Công ty phát huy thế mạnh công nghệ và sản phẩm.

Với sự lãnh đạo của HĐQT, sự nỗ lực, cống hiến của Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan nhất định, được sự đón nhận, tin tưởng của đối tác, khách hàng.

“Chúng tôi tin tưởng đây là bước đệm tích cực cho sự phát triển mạnh mẽ của Công ty trong những năm tiếp theo.”

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2017

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Doanh thu thuần 2017: **542.017.039.428** đồng, đạt **86%** so với kế hoạch của ĐHCĐ;
- Lợi nhuận sau thuế 2017: **10.516.010.563** đồng, đạt **55%** so với kế hoạch của ĐHCĐ; Tuy chưa đạt được như kỳ vọng của ĐHCĐ, nhưng HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên; đồng thời, chúng tôi tin tưởng đây là bước đệm tích cực cho sự phát triển mạnh mẽ của Công ty trong những năm tiếp theo.

KẾT QUẢ PHI TÀI CHÍNH

- Về thương hiệu của các nhà cung cấp và của Công ty: đối tác, khách hàng đã nhìn nhận Công ty với diện mạo mới về chất lượng, hiệu quả, uy tín;
- Về quản trị doanh nghiệp: HĐQT, Ban Giám đốc đã và đang xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp, bài bản, hiệu quả.

Kết thúc một năm 2017 nỗ lực không ngừng, Công ty xin ghi nhận và gửi lời cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên đã cống hiến hết mình trong năm qua. Chúng tôi cũng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành của Quý đối tác, Quý khách hàng, Quý cổ đông trong thời gian qua.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2018

Lĩnh vực Y tế sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh của người dân, nhưng đi cùng với đó là yêu cầu về công nghệ, chất lượng ngày càng cao.

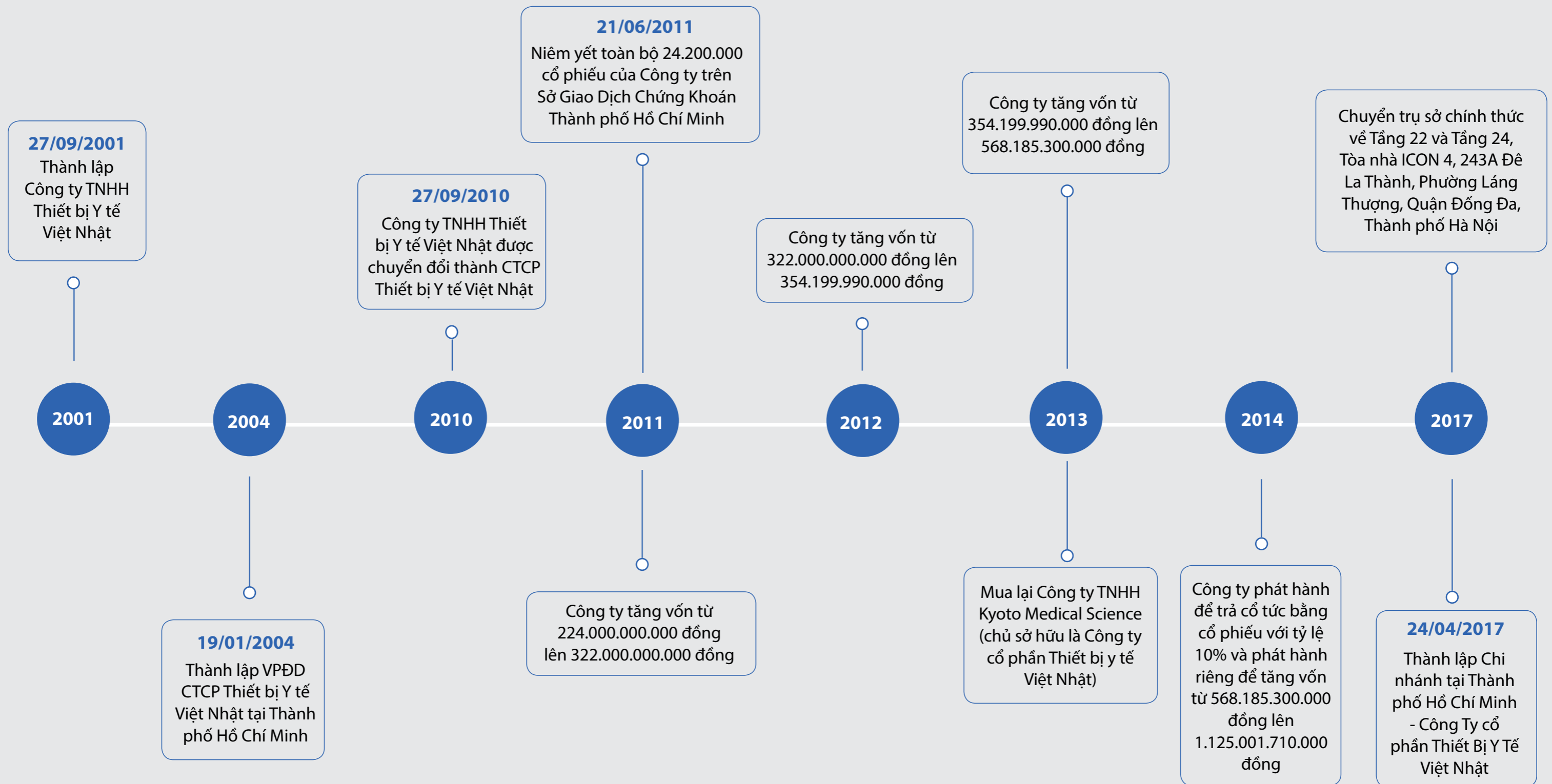
Để đáp ứng nhu cầu và khai thác tốt tiềm năng thị trường, HĐQT đã sát cánh cùng Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch năm 2018 như sau:

- Đầu tư mạnh mẽ để tăng trưởng;
- Quản trị chặt chẽ để hoạt động hiệu quả;
- Mang giá trị đến cho đối tác, khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự lãnh đạo của HĐQT, sự nỗ lực, sát sao của Ban Giám đốc, sự cống hiến của toàn thể nhân viên, Công ty sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu ĐHCĐ đề ra cho năm 2018.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



PHÂN PHỐI THIẾT BỊ Y TẾ

Công ty đang là đơn vị phân phối độc quyền của nhiều thương hiệu thiết bị y tế nổi tiếng thế giới tại thị trường Việt Nam như Hitachi, Fujifilm, Konica, Sakura... chuyên phân phối các sản phẩm: hệ thống chụp cộng hưởng từ, hệ thống chụp cắt lớp, hệ thống chụp X-Quang, hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X-Quang CR & DR, máy đo loãng xương, máy in phim khô laser y tế, máy nội soi, máy siêu âm, máy chống nhiễm khuẩn...

ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Hệ thống chụp cộng hưởng từ



Hệ thống chụp cắt lớp



Hệ thống chụp X-Quang



Máy X-quang tăng sáng truyền hình kỹ thuật số Exavista



Máy X-quang thường quy cao tần 500mA Radnext 32



Máy X-quang thường quy cao tần 800mA Radnext 50

Hệ thống nội soi



Hệ thống nội soi siêu âm



Hệ thống nội soi video ống mềm 150W



Hệ thống nội soi video ống mềm 300W

Máy siêu âm



M-Turbo



EDGE II

Máy chống nhiễm khuẩn



Máy rửa khử khuẩn SAKURA DEKO 260XK



Máy rửa khử khuẩn tích hợp rửa siêu âm



Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma FINO-Series

PHÂN PHỐI VẬT TƯ TIÊU HAO

Là nhà phân phối độc quyền các sản phẩm phim khô y tế của Fujifilm và Konica tại Việt Nam, Công ty hiện đang cung cấp sản phẩm phim khô cho hầu hết các bệnh viện trên cả nước. Ngoài những sản phẩm đến từ hai thương hiệu hàng đầu thế giới, Công ty còn hỗ trợ khách hàng trang bị thiết bị đọc và in phim khô y tế hiện đại, qua đó, mang đến cho khách hàng chất lượng hàng hóa và dịch vụ tốt nhất. Chính vì lẽ đó, Công ty luôn là đối tác tin cậy trong lĩnh vực vật tư tiêu hao của các bệnh viện trên cả nước trong hơn 10 năm qua.



ĐẦU TƯ LIÊN KẾT

Công ty là một trong những đơn vị đầu tiên hưởng ứng chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực y tế bằng việc triển khai mô hình kinh doanh liên kết hợp tác với các bệnh viện và cơ sở y tế, đầu tư các trang thiết bị y tế thế mạnh, có thể kể đến: Máy cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp, máy chụp X-quang...

Mô hình hợp tác này giúp giảm áp lực chi phí đầu tư ban đầu lớn, giúp bệnh viện tiếp cận máy móc công nghệ mới, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đem đến lợi ích cho bệnh nhân, các cơ sở y tế cũng như toàn xã hội.



DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Dịch vụ kỹ thuật là một trong những thế mạnh nổi bật của Công ty. Với đội ngũ kỹ sư được đào tạo bài bản, chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, Công ty luôn chủ động trong việc hỗ trợ khách hàng khi có yêu cầu thay vì phải chờ đợi kỹ sư từ hãng. Điều này giúp thiết bị luôn hoạt động ổn định, hiệu quả; đẩy nhanh tốc độ xử lý tình huống; giảm thiểu áp lực và chi phí phát sinh do can thiệp chậm trễ; đem lại sự tin tưởng cho khách hàng.

Hiện Công ty đang triển khai các dịch vụ như: tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp linh kiện, sửa chữa, bảo trì thiết bị...



PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

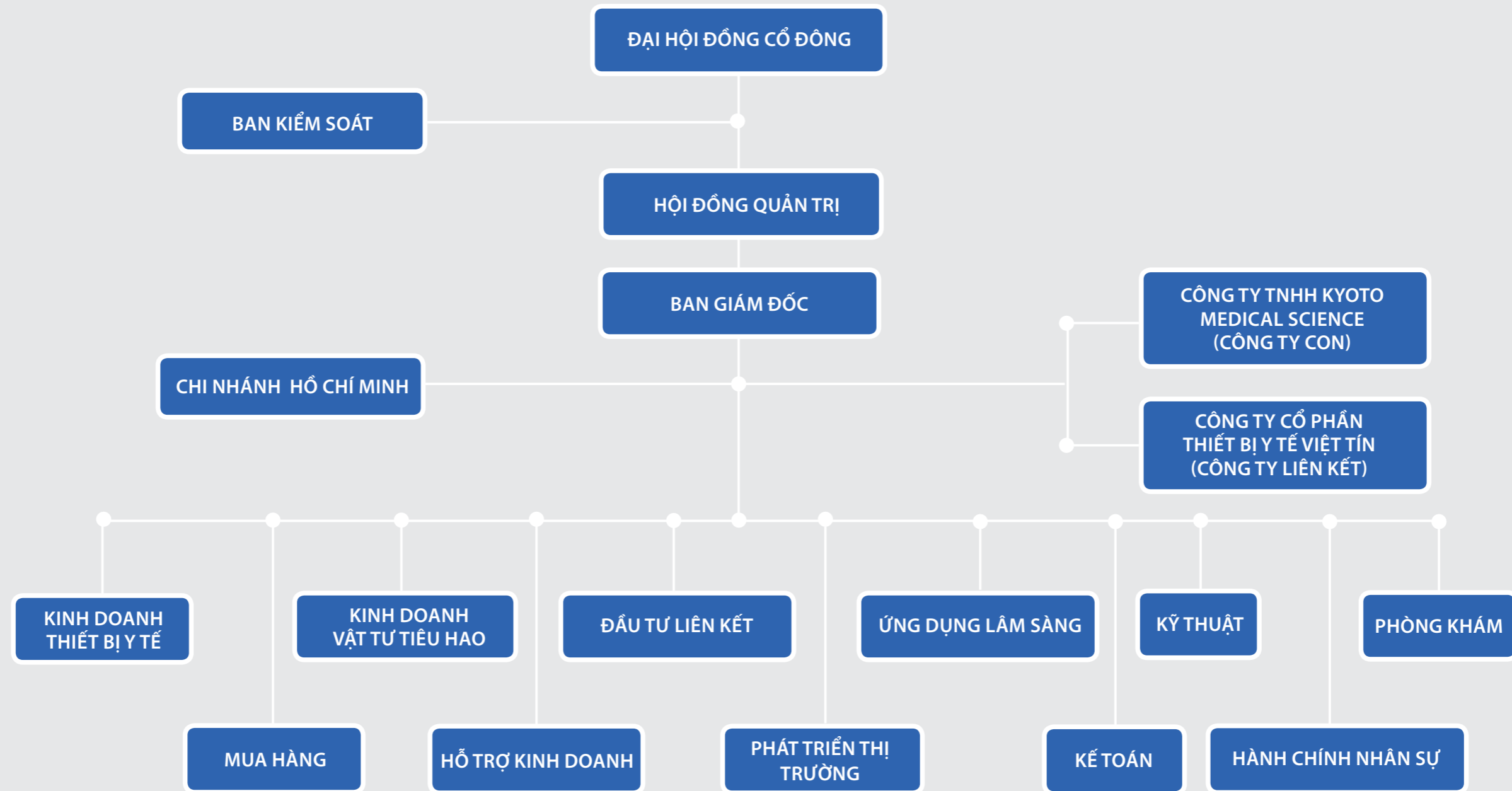
Công ty tự hào sở hữu số lượng xe khám lưu động lớn nhất Việt Nam. Với 20 xe khám được thiết kế chuyên dụng, trang bị máy móc hiện đại được nhập khẩu từ Nhật Bản, Công ty có thể đáp ứng nhu cầu thăm khám sức khỏe định kỳ lên tới 2.000 lượt/ ngày cho các công ty trong nước và nước ngoài trên 64 tỉnh thành.

Ngoài ra, Công ty còn là đối tác uy tín của nhiều dự án y tế cộng đồng. Trong đó, nổi bật là việc liên tục đồng hành cùng bệnh

viện Phổi TW - Chương trình phòng chống Lao quốc gia từ năm 2012 đến nay. Và từ năm 2018, Công ty tiếp tục kết hợp cùng với bệnh viện K và quỹ Ngày mai tươi sáng triển khai xe khám MAMMO phục vụ tầm soát ung thư vú trên cả nước.



CƠ CẤU TỔ CHỨC & BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON

Công ty TNHH Kyoto Medical Science:

- Trụ sở tại Hà Nội
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Buôn bán thiết bị, dụng cụ thiết bị y tế
- Tỷ lệ nắm giữ: 100%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín:

- Trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Buôn bán thiết bị, dụng cụ thiết bị y tế
- Tỷ lệ nắm giữ: 25%

BỘ MÁY QUẢN LÝ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **PHẠM QUANG HUY**

Chủ tịch HĐQT từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng
- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 15 năm kinh nghiệm tại vị trí quản lý, lãnh đạo của các công ty: CTCP Chứng khoán Bảo Việt, CTCP Chứng khoán Dầu khí, CTCP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, Tổng Công ty CP dịch vụ tổng hợp dầu khí, Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam – CTCP, CTCP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại:
 - Chủ tịch HĐQT CTCP TBYT Việt Nhật
 - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam – CTCP

Ông **NGUYỄN THẾ HƯỚNG**

Thành viên HĐQT độc lập từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 15 năm kinh nghiệm tại vị trí chuyên viên, quản lý của các công ty: CT TNHH Deloitte Việt Nam, CTCP Truyền thông GAPIT, CT TNHH Kiểm toán Việt Anh, CTCP Đầu tư Việt Nam - Oman
- Chức vụ hiện tại:
 - Thành viên HĐQT CTCP TBYT Việt Nhật
 - Phó Giám đốc CTCP Quốc Huy
 - Thành viên HĐQT CTCP Quốc Huy

Ông **NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**

Thành viên HĐQT độc lập từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Kế toán – Kiểm toán, Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 10 năm kinh nghiệm tại vị trí chuyên viên, quản lý của các công ty: CT TNHH Ernst & Young Việt Nam, CT TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam, CT TNHH Servier Việt Nam, CT TNHH Scivi, CTCP Đầu tư Giáo dục Quốc tế IEG.
- Chức vụ hiện tại:
 - Thành viên HĐQT CTCP TBYT Việt Nhật
 - Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Giáo dục Quốc tế IEG
 - Giám đốc điều hành CT TNHH Scivi

Bà **LÊ THỊ HÀ THANH**

Thành viên HĐQT từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Kế toán - Tài chính của các công ty: CT TNHH Thương mại Thanh Danh; CT Liên doanh TNHH Crown Hà Nội; CTCP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại:
 - Kế toán trưởng CTCP TBYT Việt Nhật
 - Thành viên HĐQT CTCP TBYT Việt Nhật

Bà **NGUYỄN THỊ THANH THẢO**

Thành viên HĐQT độc lập từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Kế toán – Kiểm toán, Thành viên tổ chức ACCA (Vương quốc Anh)
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại vị trí quản lý của CT TNHH Ernst & Young Việt Nam, CTCP Đầu tư Nam Long
- Chức vụ hiện tại:
 - Thành viên HĐQT CTCP TBYT Việt Nhật
 - Thành viên BKS CTCP Đầu tư Nam Long

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC



Ông NGÔ THANH SƠN

Tổng giám đốc từ 08/2016 đến nay

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Marketing, Điện tử - Viễn thông
- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 15 năm kinh nghiệm tại vị trí quản lý, lãnh đạo của các công ty: CT TNHH Pozitronics Việt Nam; CT TNHH Draeger Medical Việt Nam; CT GE Healthcare Việt Nam.
- Chức vụ hiện tại:
 - Tổng giám đốc CTCP TBYT Việt Nhật
 - Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Giải pháp y tế Việt Nam

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ông ĐÀO MẠNH HÙNG

Trưởng Ban Kiểm soát từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Tài chính
- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 30 năm kinh nghiệm tại vị trí quản lý, lãnh đạo của các đơn vị: Nhà máy A37 - Quân chủng Phòng không Không quân - Bộ Quốc phòng, CTVPP Cửu Long - Bộ Công nghiệp, CTCP XNK máy Hà Nội - Bộ Thương Mại, CTCP Phần mềm Việt.
- Chức vụ hiện tại:
 - Trưởng BKS CTCP TBYT Việt Nhật
 - Thành viên HĐQT CTCP Công nghệ và Đầu tư VINAFINS
 - Trưởng BKS Tổng CT TBYT Việt Nam - CTCP



Bà VŨ THỊ THÚY HẰNG

Phó Tổng giám đốc từ 08/2016 đến nay

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Tài chính, Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 10 năm kinh nghiệm tại vị trí quản lý của các công ty: BIDV, CTCP Dream Incubator Việt Nam, CTCP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc CTCP TBYT Việt Nhật

Bà PHẠM HUYỀN KHANH

Phó Tổng giám đốc đến 04/2018

- Trình độ: Thạc sĩ, Bác sĩ
- Chuyên môn: Y tế công cộng
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Trường đại học Y Hà Nội, Tổ chức y tế thế giới.
- Chức vụ hiện tại (tính đến ngày 05/04/2018): Phó Tổng giám đốc CTCP TBYT Việt Nhật

Bà VƯƠNG VÂN ANH

Phó Tổng giám đốc từ 04/2018 đến nay

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kinh tế doanh nghiệp, Tài chính kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm quản lý tại CT TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam, CTCP Dream Incubator Việt Nam, CTCP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại (kể từ ngày 05/04/2018): Phó Tổng giám đốc CTCP TBYT Việt Nhật

Bà ĐẶNG THỊ HÀ GIANG

Thành viên Ban Kiểm soát từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kinh tế
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh tại các công ty: CTCP Quảng cáo trực tuyến 24h, Phòng dự án CTCP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại:
 - Thành viên BKS CTCP TBYT Việt Nhật
 - Trưởng bộ phận hỗ trợ kinh doanh CTCP TBYT Việt Nhật

Ông NGÔ VĂN HÙNG

Thành viên Ban Kiểm soát từ 09/2016 đến nay

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tại các công ty: CT TNHH TM&DV vận tải Thành Quang, lĩnh vực kinh doanh đầu tư liên kết CTCP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại:
 - Thành viên BKS CTCP TBYT Việt Nhật
 - Nhân viên phòng Đầu tư liên kết CTCP TBYT Việt Nhật

Những thay đổi trong Ban điều hành

- Bà Phạm Huyền Khanh: Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2017, miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2018)
- Bà Vương Vân Anh: Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2018)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2017

BÁO CÁO CỦA HĐQT

VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐỀ RA CHO NĂM 2017

HĐQT đã xem xét, phê duyệt, chỉ đạo triển khai hiệu quả các chiến lược đề ra:

- Công ty đã xây dựng tốt hình ảnh, uy tín với đối tác, khách hàng, nhà cung cấp. Đây là thành quả nổi bật rất đáng ghi nhận;
- Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong các dòng sản phẩm, hoạt động truyền thống, mở rộng mạng lưới khách hàng tại các thị trường hiện có. Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư **28 tỷ** mua sắm tài sản cố định phục vụ mở rộng hoạt động kinh doanh vật tư tiêu hao, liên doanh liên kết và cung cấp dịch vụ khám sức khỏe;
- Đồng thời, Công ty cũng chủ động tìm kiếm, bổ sung các dòng sản phẩm mới và khai phá các thị trường mới. Cụ thể, trong năm 2017, Công ty đã ghi nhận hơn **20 tỷ** doanh thu là thành quả bước đầu tại thị trường thiết bị y tế miền Nam;
- Công ty đã và đang tiến hành cập nhật công nghệ mới, mô hình mới, mở rộng danh mục sản phẩm, mạng lưới nhà cung cấp, có những tín hiệu khả quan, là tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

HĐQT đã định hướng cho Ban Giám đốc, lãnh đạo tập thể nhân viên đạt kết quả kinh doanh khả quan:

- Doanh thu thuần 2017: **542.017.039.428 đồng**, đạt **86%** so với kế hoạch của ĐHCĐ;
- Lợi nhuận sau thuế 2017: **10.516.010.563 đồng**, đạt **55%** so với kế hoạch của ĐHCĐ;
- Từ lỗ sau thuế 39,5 tỷ năm 2016, Công ty đã có hoạt động kinh doanh hiệu quả, ghi nhận lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 10,5 tỷ. Đây là thành quả khả quan, đáng ghi nhận.

VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo phát triển bền vững và triển khai các hoạt động vì lợi ích cộng đồng. Chi tiết vui lòng tham khảo Báo cáo phát triển bền vững.

BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BAN GIÁM ĐỐC

CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐƯỢC GIÁM SÁT

- Lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh (kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt), kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính – vay vốn ngân hàng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Công tác hoạch định nguồn nhân lực;
- Công tác quản trị nội bộ;
- Triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

HĐQT đã giám sát đầy đủ các nội dung trên thông qua các cuộc họp HĐQT. HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn Ban Giám đốc tại các cuộc họp HĐQT thông qua thư điện tử, điện thoại và tiếp xúc trực tiếp nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp và kịp thời. Kết quả thực hiện được Ban Giám đốc cập nhật, báo cáo thường xuyên, kịp thời cho HĐQT.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

- Hoạt động của Ban Giám đốc đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;
- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, cơ bản hoàn thành các kế hoạch doanh thu, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính đã đề ra. Mặc dù tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, áp lực cạnh tranh lớn và các yếu tố khách quan khác dẫn đến lợi nhuận chưa hoàn thành kế hoạch, nhưng nỗ lực của Ban Giám đốc được HĐQT ghi nhận và đánh giá cao.
- Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành;
- Hệ thống báo cáo quản trị, báo cáo của các bộ phận được hoàn thiện đầy đủ, hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tăng sức cạnh tranh, kiểm soát chi phí, tối đa hóa lợi nhuận;
- Ban Giám đốc đã xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh. Ban Giám đốc cũng đã duy trì công tác đánh giá, đãi ngộ nhân viên công khai, minh bạch, công bằng, hợp lý, cạnh tranh;
- Các thành viên Ban Giám đốc đều sở hữu năng lực và kỹ năng quản lý cấp cao và không ngừng trau dồi, hoàn thiện thêm.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Bảng 3. Số buổi họp được tổ chức giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/03/2018

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Phạm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	34	100%	
2	Nguyễn Thế Hương	Thành viên HĐQT	29	85%	Đi công tác nước ngoài
3	Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	34	100%	
4	Lê Thị Hà Thanh	Thành viên HĐQT	34	100%	
5	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	33	97%	Đi công tác nước ngoài

Bảng 4. Các Nghị Quyết/ Quyết định của HĐQT (giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/03/2018)

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/QĐ-HĐQT-2017	09/01/2017	Phê duyệt ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ khám sức khỏe giữa Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Công ty cổ phần Nhựa Y tế Mediplast.
2	1201/2017/QĐ-HĐQT	12/01/2017	Phê duyệt ký kết và thực hiện Hợp đồng bán 03 hệ thống thiết bị y tế (CT Scanner 16 lát cắt bóng 5.0 HMU; MRI 0.3 Tesla và DR 2 tấm) cho Công ty TNHH Thiết bị y tế và Xây dựng Alpha.
3	02/2017/QĐ-HĐQT	13/01/2017	Phê duyệt hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại quảng cáo tiếp thị Vina.
4	2001/2017/QĐ-HĐQT	20/01/2017	Phê duyệt ký kết và thực hiện hợp đồng bán hệ thống hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner 16 lát cắt, bóng 5.0 HMU cho Công ty TNHH Thiết bị y tế và Xây dựng Alpha.
5	03/2017/QĐ-JV.,JSC	26/03/2017	Phê duyệt thành lập Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
6	04/2017/QĐBN-JV.,JSC	26/03/2017	Bổ nhiệm Bà Vũ Thị Thúy Hằng là người đứng đầu chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.
7	05/2017/QĐ-HĐQT	05/04/2017	Bổ nhiệm Bà Phạm Huyền Khanh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật.
8	0704/2017/QĐ-HĐQT	07/04/2017	Phê duyệt tài trợ "Quỹ hỗ trợ bệnh nhân ung thư - Ngày mai tươi sáng".
9	1004/2017/QĐ-HĐQT	10/04/2017	Phê duyệt số lượng và giá bán phim Carestream và Konica tồn kho.
10	06/2017/NQ-HĐQT	11/04/2017	Thông qua kế hoạch kinh doanh tạm tính năm 2017 và phương án vay vốn tại BIDV Nam Hà Nội.
11	1404/2017/QĐ-HĐQT	14/04/2017	Phê duyệt đầu tư mua sắm mới 03 xe ô tô bus chuyên dụng cho khám lưu động.
12	1505/2017/QĐ-HĐQT	15/05/2017	Phê duyệt giá bán phim, điều kiện bán hàng và mức thưởng cho 02 đại lý là Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Ngọc Khang (gọi tắt là "Ngọc Khang") và Công ty TNHH Vật tư và trang thiết bị y tế HAT-MED Việt Nam (gọi tắt là "HAT").
13	2306/2017/NQ-HĐQT	23/06/2017	Thông qua kế hoạch kinh doanh tạm tính năm 2017 và phương án vay vốn tại BIDV Tây Hà Nội.
14	2906/2017/QĐ-HĐQT	29/06/2017	Thông qua ký kết và thực hiện hợp đồng bán hệ thống Cộng hưởng từ 0.3 Tesla cho Công ty TNHH Thiết bị y tế và Xây dựng Alpha.
15	0307/2017/QĐ-HĐQT	03/07/2017	Thông qua phương án tổ chức Hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh năm 2017.
16	0507/2017/QĐ-HĐQT	05/07/2017	Thông qua chi phí tham dự Hội nghị Điện quang và Y học hạt nhân Việt Nam lần thứ 19.
17	0607/2017/NQ-HĐQT	06/07/2017	Thông qua Kế hoạch tổ chức Hội đồng thường niên năm 2017.
18	1807/2017/NQ-HĐQT	18/07/2017	Thông qua phương án giá bán thiết bị y tế cho Khoa A9 Bệnh viện Bạch Mai.

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
19	0408/2017/NQ-HĐQT	04/08/2017	Thông qua ủy quyền cho Ông Ngô Thanh Sơn - Tổng giám đốc Công ty được ký các văn bản giao dịch liên quan đến giao dịch tiền gửi, tín dụng, bao gồm nhưng không giới hạn các văn bản sau: Hợp đồng tín dụng, các loại Hợp đồng bảo đảm tiền vay và văn bản liên quan, Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Đề nghị phát hành bảo lãnh, Hợp đồng mua bán ngoại tệ, ủy nhiệm chi, Lệnh chi tiền... và các giấy tờ liên quan khác tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Trung tâm giao dịch Hội sở theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công ty.
20	0708/2017/QĐ-HĐQT	07/08/2017	Thông qua ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ Hỗ trợ công nghệ thông tin giữa Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Công ty Cổ phần Phát triển giải pháp y tế Việt Nam (VINAMEDIT).
21	1408/2017/QĐ-HĐQT	14/08/2017	Thông qua ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ vận chuyển giữa Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Chi nhánh miền Bắc - Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải dầu khí Cửu Long.
22	1608/2017/NQ-HĐQT	16/08/2017	Thông qua chương trình và nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
23	1409/2017/NQ-HĐQT		Thông qua chi phí thi công Chi nhánh TP.HCM.
24	1509/2017/NQ-HĐQT	15/09/2017	Thông qua việc chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam làm đơn vị soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 và Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật.
25	1809/2017/NQ-HĐQT	18/09/2017	Thông qua giá bán thiết bị cho 02 Đại lý bán phim là Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Ngọc Khang và Công ty TNHH Vật tư và trang thiết bị y tế HAT-MED Việt Nam.
26	0910/2017/QĐ-HĐQT	09/10/2017	Thông qua ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Công ty Cổ phần Phát triển giải pháp y tế Việt Nam (VINAMEDIT).
27	1610/2017/NQ-HĐQT	16/10/2017	Phê duyệt giá bán thiết bị y tế cho Dự án mua sắm thiết bị y tế của Ban Quản lý dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh Đồng bằng sông Hồng.
28	0112/2017/NQ-HĐQT	01/12/2017	Phê duyệt giảm giá bán phim Konica tồn kho.

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
29	1112/2017/NQ-HĐQT	11/12/2017	Thông qua giá bán phim Fujifilm, điều kiện bán hàng và mức thưởng cho Công ty TNHH Thiết bị và dụng cụ y khoa 3P.
30	1501/2018/NQ-HĐQT	15/01/2018	Phê duyệt ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ hỗ trợ công nghệ thông tin giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Công ty cổ phần Phát triển giải pháp y tế Việt Nam (VINAMEDIT).
31	1601/2018/NQ-HĐQT	16/01/2018	Phê duyệt ký kết và thực hiện hợp đồng thuê máy giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS).
32	1701/2018/NQ-HĐQT	17/01/2018	Phê duyệt ký kết và thực hiện hợp đồng Dịch vụ khám sức khỏe giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật và Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam – CTCP (VINAMED).
33	2901/2018/NQ-HĐQT	29/01/2018	Phê duyệt hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật với Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại quản cáo tiếp thị Vina.
34	3003/2018/NQ-HĐQT	30/03/2018	Phê duyệt việc tiến hành thanh lý tài sản cố định không còn khả năng sử dụng của Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật.

- Hoạt động của các tiểu ban HĐQT: Hiện nay, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban.
- Hoạt động của thành viên HDDQT độc lập: Ông Nguyễn Thế Hương, Ông Nguyễn Mạnh Cường và Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo là 03 thành viên HĐQT độc lập tại JVC. Các thành viên HĐQT độc lập này đã tham gia các buổi họp HĐQT và đưa ra các ý kiến xác thực, có chuyên môn, thể hiện kiến thức, năng lực và kinh nghiệm của mình.

Các vấn đề quản trị khác của Công ty

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

- Hợp đồng khám sức khỏe giữa CTCP Thiết bị Y tế Việt Nhật và CTCP Nhựa Y tế Mediplast - Công ty do ông Phạm Quang Huy làm Chủ tịch HĐQT;
- Hợp đồng dịch vụ Hỗ trợ công nghệ thông tin giữa CTCP Thiết bị Y tế Việt Nhật và CTCP Phát triển giải pháp y tế Việt Nam (VINAMEDIT) - Công ty do Ông Ngô Thanh Sơn làm Chủ tịch HĐQT;
- Hợp đồng dịch vụ vận chuyển giữa CTCP Thiết bị Y tế Việt Nhật với Chi nhánh miền Bắc - CTCP Dịch vụ - Vận tải dầu khí Cửu Long - Công ty do ông Phạm Quang Huy làm Chủ tịch HĐQT;
- Hợp đồng kinh tế giữa CTCP Thiết bị Y tế Việt Nhật và CTCP Phát triển giải pháp y tế Việt Nam (VINAMEDIT) - Công ty do Ông Ngô Thanh Sơn làm Chủ tịch HĐQT;
- Hợp đồng thuê máy giữa CTCP Thiết bị Y tế Việt Nhật và Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS) - Công ty con;
- Hợp đồng dịch vụ khám sức khỏe giữa CTCP Thiết bị y tế Việt Nhật và Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP (VINAMED);

Bảng 5. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Đặng Trần Đạt	Chồng bà Phạm Huyền Khanh	17.450	0,015%	47.450 (*)	0,04%	Mua

(*) Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người liên quan đến người nội bộ ngày 22/01/2018

Thù lao của HĐQT và BKS

Bảng 6. Thù lao của HĐQT và BKS

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO/THÁNG (VND)	TỔNG THU NHẬP/NĂM (VND)
1	Phạm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	84.000.0000
2	Nguyễn Thế Hương	Thành viên HĐQT	5.000.000	60.000.000
3	Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	5.000.000	60.000.000
4	Lê Thị Hà Thanh	Thành viên HĐQT	5.000.000	60.000.000
5	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	5.000.000	60.000.000
6	Đào Mạnh Hùng	Trưởng BKS	3.000.000	36.000.000
7	Ngô Văn Hùng	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000
8	Đặng Thị Hà Giang	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000

Thu nhập của Ban giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm: 4.821.770.000 VNĐ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2017, thị trường thiết bị y tế tăng trưởng mạnh mẽ là thuận lợi lớn cho Công ty, nhưng đồng thời áp lực cạnh tranh cũng là thử thách lớn. Ngoài ra, nội tại Công ty còn nhiều khó khăn, nhiều công việc cần xây dựng và hoàn thiện để hoạt động kinh doanh của Công ty thực sự hiệu quả, chuyên nghiệp và cạnh tranh. Trước bối cảnh đó, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực bám sát kế hoạch kinh doanh 2017 của ĐHCĐ và chỉ đạo của HĐQT, có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược kinh doanh và chính sách nội bộ, nắm bắt các cơ hội tăng trưởng doanh thu, kiểm soát nguồn lực và chi phí... nhằm thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận do ĐHCĐ và HĐQT đã đề ra cho năm 2017. Cụ thể, Công ty đạt 86% về chỉ tiêu doanh thu hợp nhất và đạt 55% về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Ban Giám đốc báo cáo kết quả những hoạt động chính trong năm 2017 như sau:

TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính năm 2017 của Công ty có nhiều thay đổi đáng kể so với năm 2016. Thể hiện ở các chỉ tiêu chính như doanh thu thuần đạt **542 tỷ**; tăng trưởng **9%** so với năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt **10 tỷ**; so với khoản lỗ 39 tỷ năm 2016, tổng nợ phải trả giảm 34% so với năm 2016; hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm còn 0,3. (Bảng 7)

Với kết quả kinh doanh được cải thiện và việc quản lý tài chính chặt chẽ, Công ty đã đạt được các chỉ số tài chính khả quan và an toàn:

- **Vốn bằng tiền:** Công ty luôn quản lý dòng tiền một cách chặt chẽ, an toàn và hiệu quả; chủ động vận dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và hạn mức tín dụng bổ sung vốn lưu động để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm;
- **Nợ phải thu khách hàng:** Công ty luôn quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, đốc thúc nhân viên kinh doanh chủ động thu hồi công nợ. Vòng quay nợ phải thu giảm 90 ngày (năm 2016) xuống còn 71 ngày (năm 2017). Trong năm 2017, Công ty không phát sinh các khoản nợ khó đòi đáng kể;
- **Hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được duy trì ở mức hợp lý. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 69 ngày (năm 2016) xuống 56 ngày (năm 2017). Trong năm 2017, Công ty không phát sinh hàng tồn kho chậm lưu chuyển nào đáng kể;
- **Nợ phải trả ngắn hạn:** chỉ chiếm 10% tổng nguồn vốn. Nhờ hoạt động kinh doanh ngày càng ổn định và phát triển, Công ty được các nhà cung cấp tạo điều kiện kéo dài thời gian thanh toán. Vòng quay nợ phải trả giảm đáng kể từ 101 ngày (năm 2016) xuống 57 ngày (năm 2017). (Bảng 8)

Bảng 7. Các chỉ tiêu tài chính 2017

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	TĂNG GIẢM
1	Doanh thu thuần	499.432.257.611	542.017.039.428	8,53%
2	Lợi nhuận trước thuế	(37.409.757.047)	10.663.186.419	128,50%
3	Lợi nhuận sau thuế	(39.457.111.201)	10.516.010.563	126,65%
4	Tổng tài sản	724.832.393.518	664.937.956.277	- 8,26%
5	Tổng nợ tài sản	207.869.427.889	137.458.980.085	- 33,87%
6	Vốn chủ sở hữu	516.962.965.629	527.478.976.192	2,03%

Bảng 8. Các hệ số tài chính 2017

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	GHI CHÚ
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,61	2,34	
	Hệ số thanh toán nhanh	0,19	0,39	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,29	0,21	
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,40	0,26	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3	Vòng quay hàng tồn kho	107,28	60,76	6,01
	Vòng quay các khoản phải thu	118,52	94,92	3,85
	Vòng quay các khoản phải trả	146,24	111,86	3,26
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	64%	78%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	- 7,90%	1,94%	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	- 7,35%	2,01%	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	- 5,04%	1,51%	

KINH DOANH

Bảng 9. Cơ cấu doanh thu 2017

STT	LĨNH VỰC	NĂM (Tỷ đồng)		THÀNH PHẦN (%)		TĂNG/ GIẢM
		2016	2017	2016	2017	
1	Kinh doanh thiết bị	104,1	111,4	21%	21%	7%
2	Kinh doanh vật tư tiêu hao	224,1	255,0	45%	47%	14%
3	Đầu tư liên kết	143,1	132,3	29%	24%	- 8%
4	Kỹ thuật	14,6	23,2	3%	4%	59%
5	Phòng khám	13,5	20,1	3%	4%	49%

Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty diễn ra mạnh mẽ, hầu hết các lĩnh vực đều có sự tăng trưởng doanh thu, cơ cấu của các lĩnh vực trong doanh thu thuần giữ tương đối ổn định so với năm 2016, trong đó, cụ thể:

- **Kinh doanh thiết bị y tế:** Doanh thu thuần tăng trưởng **7%** so với năm 2016. Thị phần của hãng Hitachi trong các dòng máy chính như máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp (CT) đều tăng **2%-4%** so với năm 2016. Đồng thời, Công ty cũng ghi nhận doanh thu từ dòng sản phẩm mới như máy siêu âm Fujifilm;
- **Kinh doanh vật tư tiêu hao:** Doanh thu thuần tăng trưởng **14%** so với năm 2016 nhờ Công ty mở rộng mạng lưới phân phối, đồng thời giữ vững thị phần tại các thị trường và bệnh viện trọng điểm;
- **Đầu tư liên kết:** Doanh thu thuần giảm 8% so với năm 2016 do Công ty rút các máy hết thời hạn liên kết, trong khi đó các máy mới triển khai đi vào hoạt động thời gian ngắn (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, Bệnh viện Nông nghiệp...);
- **Kỹ thuật:** Lĩnh vực kỹ thuật gồm bán linh kiện và cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa có doanh thu thuần tăng trưởng **59%** nhờ Công ty tích cực phối hợp với hãng, cung cấp dịch vụ kịp thời, chất lượng cao, đảm bảo máy móc vận hành ổn định, hiệu quả cho khách hàng;
- **Phòng khám:** Doanh thu cung cấp dịch vụ khám bệnh lưu động tăng **49%** nhờ sự đầu tư nhạy bén vào đội ngũ xe khám, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Năm 2017, Công ty cũng có thêm những khách hàng lớn như Samsung Việt Nam và Chương trình Chống lao Quốc gia.

NHÀ CUNG CẤP

2017 chứng kiến mối quan hệ tốt đẹp, bền vững và sự hợp tác, hỗ trợ nhiều mặt từ các nhà cung cấp lớn như Hitachi, Fujifilm, Konica... Đặc biệt, chuyến viếng thăm của Chủ tịch và Tổng giám đốc Hitachi Healthcare Nhật Bản thể hiện sự quan tâm ở mức cao nhất, đánh giá cao tiềm năng của thị trường và năng lực của Công ty, tinh thần sẵn sàng hỗ trợ tối đa các nguồn lực để khuyến khích hoạt động kinh doanh phát triển hơn nữa.

Cùng với đó, các nhà cung cấp hiện tại và các nhà cung cấp mới cũng tin tưởng chọn lựa Công ty để phân phối, gây dựng và phát triển các dòng sản phẩm mới như sản phẩm máy siêu âm của Fujifilm, sản phẩm kiểm soát nhiễm khuẩn của Sakura, giải pháp cộng hưởng từ trong phòng mổ của Hitachi... hứa hẹn tiềm năng phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

“ Năm 2017 chứng kiến mối quan hệ tốt đẹp, bền vững và sự hợp tác, hỗ trợ nhiều mặt từ các nhà cung cấp lớn. ”



Chủ tịch và CEO của Hitachi Healthcare Nhật Bản đến thăm và làm việc tại JVC (Hà Nội - Tháng 04/2017)

“ Những nỗ lực marketing đã mang hình ảnh Việt Nhật đến gần hơn với khách hàng. Sự đóng góp của công ty cho các hội nghị hàng đầu trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh cũng đã được ghi nhận một cách tích cực. ”

MARKETING

Năm 2017 là năm Ban Giám đốc định hướng đầu tư vào hoạt động marketing, xây dựng hình ảnh mới, uy tín mới cho Công ty. Công ty đã tham gia, tài trợ cho các hội nghị hàng đầu trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh và nhận được sự ghi nhận từ các hiệp hội chuyên môn, các bác sĩ, chuyên gia đầu ngành. Ngoài ra, Công ty còn chủ động tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn, demo, tham quan học tập... nhằm mang công nghệ tiên tiến, sản phẩm tiện ích đến giới thiệu, hướng dẫn ứng dụng, giải quyết các vấn đề thực tiễn cho các bác sĩ tại nhiều bệnh viện trên cả nước.

Đặc biệt, phối hợp với hãng Hitachi, Công ty đã tổ chức ra mắt sản phẩm máy chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla ECHELON Smart tại khách sạn Marriott, Hà Nội. Sự kiện có sự tham gia của đại diện hãng Hitachi, các bác sĩ, chuyên gia từ nước ngoài, các bệnh viện đầu ngành chẩn đoán hình ảnh và các bệnh viện khách hàng của Công ty. Sản phẩm có công nghệ hiện đại, giảm tiếng ồn, tiết kiệm điện năng, nhận được sự đón nhận của các đại biểu tham dự.



Ra mắt máy cộng hưởng từ ECHELON Smart (Hà Nội - Tháng 03/2017)



Hội thảo khoa học Giải pháp toàn diện cho đơn vị tiết khuẩn trung tâm tại các cơ sở y tế hiện nay (Thanh Hóa - Tháng 04/2017)



Hội thảo thần kinh hữu nghị Việt Hàn (Nha Trang - Tháng 05/2017)



Hội thảo sử dụng MRI trong phòng mổ cho phẫu thuật thần kinh (Hà Nội - Tháng 06/2017)



Hội thảo cập nhật ứng dụng siêu âm trong gây mê và hồi sức cấp cứu (Hà Nội - Tháng 06/2017)



Hội nghị Điện Quang (Đà Lạt - Tháng 08/2017)



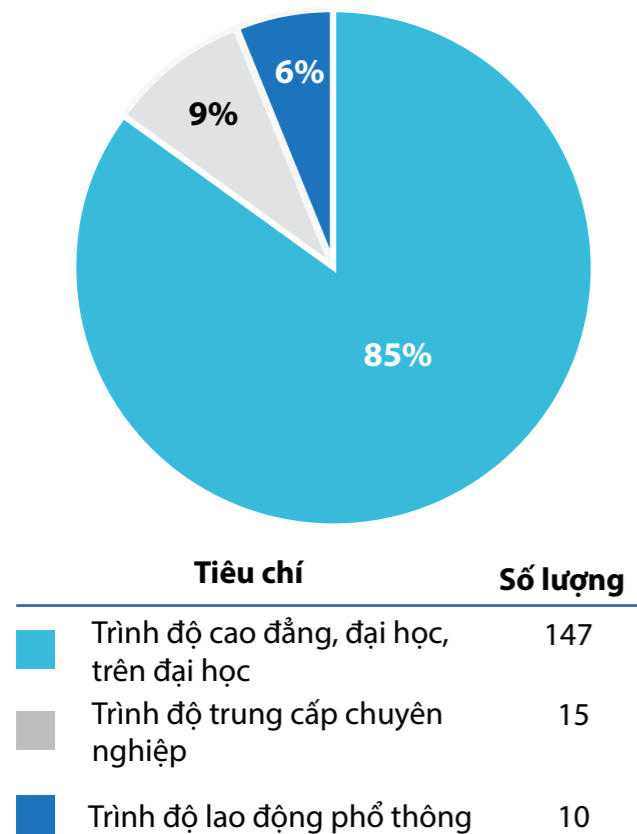
Tập huấn nâng cao kiến thức về kỹ thuật chụp X-quang KTS, cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ (Hà Nội - Tháng 12/2017)

NHÂN SỰ

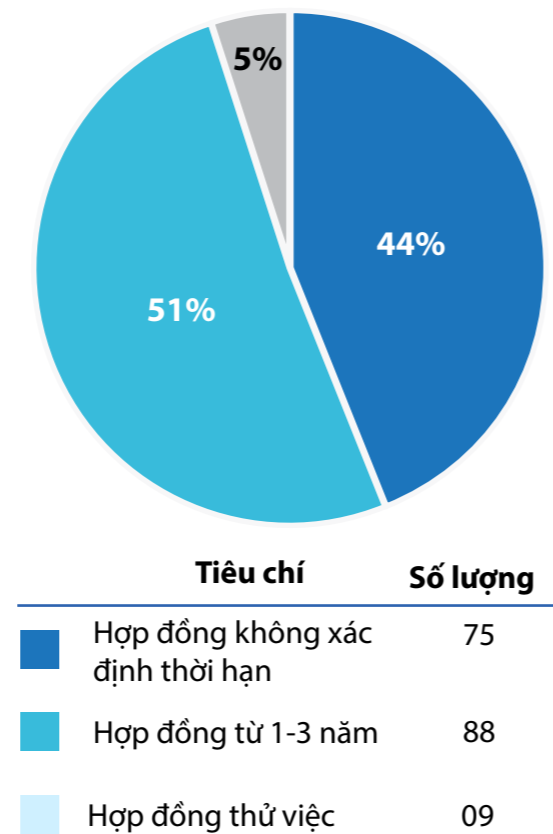
Công tác tuyển dụng, xây dựng đội ngũ nhân sự

Trong năm 2017, Công ty cơ bản đã hoàn tất việc tổ chức nhân sự, đội ngũ nhân sự ổn định, trình độ cao, năng lực tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc, thống kê như sau:

Biểu đồ 3. Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo loại hình hợp đồng



Công tác đào tạo

Công ty chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý công việc cho nhân viên thông qua các khóa đào tạo trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu công việc. Cụ thể, trong năm 2017, các nhân sự quản lý cấp trưởng bộ phận được tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu kỹ năng quản trị kinh doanh; nhân sự quản lý, nhân sự chuyên trách kế toán, pháp chế, quan hệ nhà đầu tư được tham gia các khóa chuyên đề về tài chính, kế toán, thuế, quản trị nội bộ...; các nhân sự kỹ sư được gửi đi học tại Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản để nâng cao tay nghề, làm chủ công nghệ mới, sản phẩm mới;

Công tác đánh giá năng lực

Công ty đã tổ chức đánh giá toàn diện năng lực toàn bộ nhân viên lần đầu tiên, làm cơ sở cho chế độ lương thưởng, đãi ngộ công bằng, hợp lý, cạnh tranh; tiếp thu nguyện vọng và khuyến khích sự phát triển.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Bảng 10. Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Đào Mạnh Hùng	Trưởng BKS	04	100%	
2	Đặng Thị Hà Giang	Thành viên BKS	04	100%	
3	Ngô Văn Hùng	Thành viên BKS	04	100%	

Giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty, thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2017 của ĐHCĐ. Thông qua trao đổi thư điện tử, điện thoại, tiếp xúc trực tiếp, tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát đã cập nhật liên tục tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, có sự thảo luận, chất vấn và đóng góp ý kiến cho HĐQT và Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát cũng giám sát, kiểm tra việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận, giám sát và kiểm tra tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- Ban Kiểm soát kết luận: Trong năm 2017, HĐQT và Ban Giám đốc đã quản lý, điều hành Công ty, thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ 2017 phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty, hợp lý, cẩn trọng, hiệu quả.



Đánh giá tình hình tài chính và giám sát hoạt động lập báo cáo tài chính của Công ty

- Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính năm 2017 của Công ty có rất nhiều chuyển biến tích cực:
 - Kết quả doanh thu và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh lần lượt đạt 86% và 55% so với kế hoạch của ĐHCĐ; Tuy chưa đạt kỳ vọng của cổ đông nhưng đây là tín hiệu tốt vì là năm bắt đầu có lãi;
 - Các chỉ tiêu tài chính cơ bản về khả năng thanh toán, quản lý vốn lưu động, cơ cấu vốn, khả năng sinh lời của Công ty năm 2017 đều có sự cải thiện đáng kể so với năm 2016;
- Ban Kiểm soát đã tham gia tích cực vào công tác lập, soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính quý, 06 tháng và cả năm của Công ty, bao gồm việc phối hợp với kiểm toán độc lập, việc rà soát, phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính và thông báo kết quả cho HĐQT trước khi Công ty phát hành báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát đánh giá Ban Giám đốc tổ chức tốt công tác kế toán, chấp hành tốt các quy định về quản lý tài chính kế toán. Báo cáo tài chính quý, 06 tháng và cả năm của Công ty được trình bày trung thực, hợp lý, nhất quán, phù hợp với các quy định pháp luật.

Lựa chọn đề xuất kiểm toán độc lập

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát duy trì sự phối hợp chặt chẽ với kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Phí kiểm toán mà Công ty đã trả cho Deloitte Việt Nam trong năm tài chính 2017 (không bao gồm VAT) là 450 triệu đồng;
- Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHCĐ phê duyệt việc lựa chọn kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018 trong kỳ họp ĐHCĐ 2018.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro cạnh tranh

- **Chi tiết rủi ro:** Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều có nhiều nhà cung cấp, nhiều doanh nghiệp tham gia, mức độ cạnh tranh cao.
- **Biện pháp kiểm soát:** Ban Giám đốc thường xuyên đôn đốc hoạt động phát triển thị trường, bao gồm thường xuyên cập nhật thông tin thị trường nhằm có những chiến lược chủ động, ứng phó kịp thời. Ban Giám đốc cũng duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược với nhà cung cấp, chia sẻ nguồn lực, thông tin để cùng xây dựng, củng cố lợi thế cạnh tranh.

Rủi ro công nghệ

- **Chi tiết rủi ro:** Công nghệ trong lĩnh vực y tế luôn có sự vận động, gây ra áp lực đổi mới.
- **Biện pháp kiểm soát:** Ban Giám đốc thường xuyên đề xuất với nhà cung cấp nghiên cứu và phát triển công nghệ, chủ động nhận triển khai công nghệ mới, sản phẩm mới tại thị trường Việt Nam.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro thay đổi các chính sách, quy định pháp luật

- **Chi tiết rủi ro:** Đặc thù của lĩnh vực Y tế có nhiều quy định pháp luật về nhập khẩu, kinh doanh thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ khám bệnh, đầu tư liên kết... Điều này dẫn đến rủi ro các quy định này có thể thay đổi.
- **Biện pháp kiểm soát:** Các trưởng bộ phận và chuyên viên pháp chế thường xuyên chủ động cập nhật cho Ban Giám đốc các thay đổi quy định pháp luật trong lĩnh vực mình phụ trách, tư vấn cho Ban Giám đốc có những chính sách, hành động phù hợp, đảm bảo tuân thủ pháp luật và kinh doanh hiệu quả.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty không chỉ phát triển hoạt động kinh doanh đơn thuần mà còn hướng đến sự phát triển bền vững của các bên có lợi ích liên quan nói riêng và cộng đồng nói chung, cụ thể:

VỀ XÃ HỘI

- Thông qua hoạt động kinh doanh, Công ty góp phần mang đến cho người dân cơ hội tiếp cận công nghệ cao trong khám chữa bệnh, hỗ trợ đội ngũ y bác sĩ, nâng cao hiệu quả và chất lượng khám chữa bệnh;
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên;
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn, văn hóa, khuyến khích phát huy tiềm năng, phát triển năng lực mỗi cá nhân;
- Khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng như ủng hộ đồng bào lũ lụt, hiến máu nhân đạo...; chủ động tổ chức các hoạt động khám bệnh miễn phí cho người dân nghèo tại các vùng có điều kiện khó khăn...

VỀ MÔI TRƯỜNG

- Áp dụng nhiều quy định giúp sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy... trong văn phòng;
- Ưu tiên những công nghệ tiết kiệm tiêu thụ điện, tiết kiệm tiêu thụ nước, thân thiện với môi trường, ví dụ: hệ thống cộng hưởng từ MRI ECHELON Smart 1.5 Tesla giúp giảm ồn và tiết kiệm năng lượng nhất trên thế giới.

ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 2018



MỤC TIÊU ĐỊNH TÍNH

- Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị y tế, Công ty định hướng tập trung vào mảng thiết bị chẩn đoán hình ảnh và thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn. Công ty sẽ triển khai đa dạng các công nghệ, giải pháp, thiết bị phù hợp với từng phân khúc khách hàng, đáp ứng cả yêu cầu về công nghệ và yêu cầu hoạt động hiệu quả của khách hàng. Công ty có kế hoạch phối hợp cùng các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa hàng đầu mang một số công nghệ thiết bị y tế tối tân của Nhật Bản về thị trường Việt Nam;
- Đối với thị trường vật tư tiêu hao, Công ty sẽ mở rộng danh mục sản phẩm, địa bàn kinh doanh; đồng thời, cải thiện hơn nữa hiệu quả kinh doanh của các sản phẩm, kênh phân phối, địa bàn hiện có;
- Đối với hoạt động đầu tư liên kết, Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án liên doanh liên kết mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả và tiềm năng phát triển;
- Đối với dịch vụ kỹ thuật, Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng bảo hành, bảo trì thiết bị y tế;
- Đối với dịch vụ khám sức khỏe lưu động, Công ty sẽ triển khai các mô hình khám mới với sự phối hợp cùng các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa hàng đầu, mở rộng loại hình dịch vụ và đối tượng khách hàng.

MỤC TIÊU ĐỊNH LƯỢNG

- Tăng trưởng doanh thu trung bình **20%/ năm**;
- Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế trung bình **20%/ năm**.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hường	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà Lê Thị Hà Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh
Bà Phạm Huyền Khanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017, miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2018)
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

12.
NG
HIỆM
01
T N
1.1

500
T
H
TT
NA
TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Số: 017 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 6 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 05, Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, trên khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 338,1 tỷ đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền khoảng 20,3 tỷ đồng (các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là khoản phải thu, trả trước và tạm ứng cho các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền khoảng 338,1 tỷ đồng, trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng, tạm ứng với số tiền khoảng 20,3 tỷ đồng và giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Chi Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 6 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238.718.765.940	262.978.101.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	39.849.946.488	30.305.649.679
1. Tiền	111		18.849.946.488	30.305.649.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.059.838.091	152.844.635.351
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	483.882.090.105	497.469.095.601
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	305.876.415.224	309.258.848.071
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	523.702.602.185	526.481.520.032
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.185.400.511.923)	(1.181.724.347.973)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	360.277.120
III. Hàng tồn kho	140	9	66.692.152.694	77.196.315.885
1. Hàng tồn kho	141		108.479.453.385	122.965.539.209
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.787.300.691)	(45.769.223.324)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.116.828.667	2.631.500.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.780.904.932	1.606.654.815
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		125.012.192	413.260.887
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	210.911.543	611.585.170

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		426.219.190.337	461.854.291.731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.511.922.004	8.574.894.483
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	7.511.922.004	8.574.894.483
II. Tài sản cố định	220		393.891.069.378	437.104.345.150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	339.826.051.841	376.207.196.220
- Nguyên giá	222		760.481.698.756	768.634.884.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(420.655.646.915)	(392.427.688.189)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	53.769.772.443	60.843.580.682
- Nguyên giá	225		76.611.929.888	76.611.929.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(22.842.157.445)	(15.768.349.206)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	295.245.094	53.568.248
- Nguyên giá	228		453.000.480	141.680.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(157.755.386)	(88.112.232)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	2.553.884.000	2.176.781.935
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.553.884.000	2.176.781.935
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	110.750.000.000	110.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(111.500.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.262.314.955	13.998.270.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	22.184.968.132	13.998.270.163
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		77.346.823	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		664.937.956.277	724.832.393.518

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		137.458.980.085	207.869.427.889
I. Nợ ngắn hạn	310		101.966.331.369	162.932.545.863
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	67.836.752.683	112.177.941.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.081.681.624	9.231.867.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	657.037.729	566.436.616
4. Phải trả người lao động	314		188.166.240	3.277.987.236
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	13.591.324.751	19.864.939.332
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.598.886.374	4.196.092.482
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	13.012.481.968	13.617.281.968
II. Nợ dài hạn	330		35.492.648.716	44.936.882.026
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	27.610.636.745	22.454.252.812
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	7.882.011.971	22.104.093.939
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	-	378.535.275
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		527.478.976.192	516.962.965.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	527.478.976.192	516.962.965.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.019.022.297.910)	(1.029.538.308.473)
- (Lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.029.538.308.473)	(990.081.197.272)
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.516.010.563	(39.457.111.201)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		664.937.956.277	724.832.393.518

Đào Thị Hoa
Người lập biểu

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng

Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	545.500.057.158	500.954.220.695
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.483.017.730	1.521.963.084
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	542.017.039.428	499.432.257.611
4. Giá vốn hàng bán	11	26	432.195.697.740	405.451.053.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		109.821.341.688	93.981.203.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	790.069.009	461.188.040
7. Chi phí tài chính	22	28	3.978.852.759	7.053.390.009
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.049.429.388	4.598.717.428
8. Chi phí bán hàng	25	31	91.952.874.908	49.303.450.965
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	32.856.704.087	79.185.420.794
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(18.177.021.057)	(41.099.870.073)
11. Thu nhập khác	31	29	31.942.489.047	14.710.265.372
12. Chi phí khác	32	30	3.102.281.571	11.020.152.346
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		28.840.207.476	3.690.113.026
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.663.186.419	(37.409.757.047)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	582.672.294	2.267.700.166
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(435.496.438)	(220.346.012)
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.516.010.563	(39.457.111.201)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	34		(351)

Đào Thị Hoa
Người lập biểu

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng

Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	10.663.186.419	(37.409.757.047)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	69.397.309.386	69.664.528.707
Các khoản dự phòng	03	(305.758.683)	30.847.081.453
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	773.491.605	1.651.305.591
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	321.201.801	8.930.764.910
Chi phí lãi vay	06	3.049.429.388	4.598.717.428
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	83.898.859.916	78.282.641.042
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.062.277.468	(36.210.491.628)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.486.085.824	108.869.192.417
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(55.586.897.518)	(31.325.366.424)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.360.948.086)	(4.921.661.147)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.148.667.987)	(4.762.819.648)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(943.393.728)	(33.805.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.407.315.889	76.126.494.612
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(27.770.302.180)	(42.586.612.840)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	293.847.500	3.044.155.823
3. Tiền thu từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24	-	752.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	440.317.568	171.144.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.036.137.112)	(38.619.312.432)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	29.838.092.950	2.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.652.492.950)	(6.376.800.000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.012.481.968)	(12.012.481.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.826.881.968)	(15.889.281.968)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	9.544.296.809	21.617.900.212
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30.305.649.679	8.687.749.467
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	39.849.946.488	30.305.649.679

[Signature]

Đào Thị Hoa
Người lập biểu

[Signature]

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 189 người (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 237 người).

Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong ngành y.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán và trình bày lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Tại ngày 29 tháng 3 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã có biên bản họp đánh giá khả năng thu hồi và phương án trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản công nợ tồn đọng, do sai sót kế toán nên báo cáo tài chính hợp nhất cùng năm chưa được điều chỉnh theo kết luận của biên bản họp này. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chi phí dự phòng phải thu khó đòi số tiền 7.762.932.000 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.173.961.415.973)	(7.762.932.000)	(1.181.724.347.973)
2. (Lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	(31.694.179.201)	(7.762.932.000)	(39.457.111.201)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	71.422.488.794	7.762.932.000	79.185.420.794
2. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(31.694.179.201)	(7.762.932.000)	(39.457.111.201)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. (Lỗ) trước thuế	01	(29.646.825.047)	(7.762.932.000)	(37.409.757.047)
2. Các khoản dự phòng	03	23.084.149.453	7.762.932.000	30.847.081.453

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 3 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc và thiết bị	6 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Máy móc và thiết bị	6 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 03 năm đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo phòng khám và linh phụ kiện thay thế máy và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở lợi nhuận thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trên biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện. Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.715.628.670	14.178.114.170
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.134.317.818	16.127.535.509
Các khoản tương đương tiền (i)	21.000.000.000	-
	39.849.946.488	30.305.649.679

(i) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Hường Đông	107.340.812.353	107.340.812.353
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
- Khách hàng khác	278.636.652.139	292.223.657.635
	483.882.090.105	497.469.095.601

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 bao gồm khoảng 338,1 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là khoản phải thu của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
- Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	29.872.783.121
- Công ty TNHH Công trình và trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	36.635.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	28.057.725.589	31.440.158.436
Cộng	305.876.415.224	309.258.848.071

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 bao gồm khoảng 14,9 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là khoản ứng trước của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản trả trước mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	523.702.602.185	526.481.520.032
- Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
- Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
- Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.256.442.952	7.256.442.952
- Tạm ứng cho nhân viên (ii)	104.147.235.098	102.376.173.954
- Ký quỹ ngắn hạn	2.057.595.618	7.194.135.859
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.033.593.750	1.033.593.750
- Phải thu khác	3.651.250.167	3.064.688.917
b. Dài hạn	7.511.922.004	8.574.894.483
- Ký quỹ dài hạn	4.350.467.136	3.888.877.274
- Vốn liên kết với các bệnh viện	3.161.454.868	4.686.017.209
Tổng cộng	531.214.524.189	535.056.414.515

- (i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.
- (ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 bao gồm khoảng 20,3 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016) là các khoản tạm ứng Công ty không thu thập được xác nhận công nợ đối với các nhân viên này. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản tạm ứng mà Công ty không thu thập được thư xác nhận nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018.

8. NỢ XẤU

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng	387.327.928.039	9.963.951.784	403.817.212.690	30.289.229.584	30.289.229.584
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97.904.625.613	-	97.904.625.613	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	-	107.340.812.353	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	33.792.574.163	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	28.031.022.362	-	Không xác định
Công ty TNHH một thành viên 16A	26.948.625.601	-	26.948.625.601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế Các đối tượng khác	10.797.500.000	-	10.797.500.000	-	Trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	299.028.576.765	9.963.951.784	299.011.762.795	30.289.229.584	30.289.229.584
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	190.230.906.514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	36.635.000.000	-	Không xác định
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	-	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	-	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	6.358.687.130	-	6.341.873.160	-	Không xác định
Phải thu ngắn hạn khác	510.606.490.838	2.298.001.685	512.210.463.908	3.494.683.083	3.494.683.083
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	315.360.806.472	-	315.360.806.472	-	Không xác định
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	87.934.458.528	-	87.934.458.528	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	97.169.543.850	36.347.085	98.113.088.720	33.950.724	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	9.517.662.552	2.261.219.600	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định
Các đối tượng khác	624.019.436	435.000	1.284.447.636	1.199.512.759	Không xác định
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999.242.500	299.772.750	999.242.500	499.621.250	499.621.250
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	299.772.750	999.242.500	499.621.250	Từ 1-2 năm
	1.197.962.238.142	12.561.726.219	1.216.038.681.893	34.314.333.920	

Ban Giám đốc Công ty không xác định thời gian quá hạn đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ban Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	5.100.324.992	-	8.878.740.430	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	27.204.140	(24.021.840)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	212.028.233	(212.028.233)
Thành phẩm	-	-	321.086.347	(321.086.347)
Hàng hoá	96.406.970.651	(41.787.300.691)	107.485.802.271	(45.212.086.904)
Hàng gửi bán	6.972.157.742	-	6.040.677.788	-
Cộng	108.479.453.385	(41.787.300.691)	122.965.539.209	(45.769.223.324)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 323.682.313 đồng do Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa này thấp hơn so với giá ghi sổ (năm trước: 21.049.215.652 đồng). Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.305.604.946 đồng do Công ty đã bán hoặc xử lý được các hàng hóa đã trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (năm trước: 45.975.361.500 đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a. Ngắn hạn	2.780.904.932		1.606.654.815	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.398.248.334		320.084.180	
- Các khoản khác	382.656.598		1.286.570.635	
b. Dài hạn	22.184.968.132		13.998.270.163	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.636.320.851		2.809.520.286	
- Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng cho tài sản liên kết, đặt máy	14.661.689.154		10.193.040.282	
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng	4.602.720.333		-	
- Các khoản khác	284.237.794		995.709.595	
Cộng	24.965.873.064		15.604.924.978	

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	974.236.364	743.916.302.155	22.746.437.706	997.908.184	768.634.884.409
Mua sắm	-	45.454.545	-	233.518.182	278.972.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	21.244.056.263	5.558.851.125	-	26.802.907.388
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(974.236.364)	(28.293.500.079)	(1.482.479.727)	(690.009.710)	(31.440.225.880)
Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(3.794.839.888)	-	-	(3.794.839.888)
Số dư cuối năm	-	733.117.472.996	26.822.809.104	541.416.656	760.481.698.756
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	676.980.199	375.346.069.232	15.718.327.995	686.310.763	392.427.688.189
Khấu hao trong năm	92.270.863	60.435.662.454	1.700.495.218	173.265.497	62.401.694.032
Thanh lý nhượng bán trong năm	(769.251.062)	(27.506.114.889)	(1.325.555.228)	(666.634.168)	(30.267.555.347)
Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(3.758.343.920)	-	-	(3.758.343.920)
Giảm khác	-	(147.836.039)	-	-	(147.836.039)
Số dư cuối năm	-	404.369.436.838	16.093.267.985	192.942.092	420.655.646.915
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	297.256.165	368.570.232.923	7.028.109.711	311.597.421	376.207.196.220
Tại ngày cuối năm	-	328.748.036.158	10.729.541.119	348.474.564	339.826.051.841

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 50.543.303.264 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 37.177.007.353 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 176.752.882.531 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 196.152.454.916 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	76.611.929.888
Số dư cuối năm	76.611.929.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	15.768.349.206
Khấu hao trong năm	6.925.972.200
Tặng khác	147.836.039
Số dư cuối năm	22.842.157.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	60.843.580.682
Số dư cuối năm	53.769.772.443

Theo Hợp đồng thuê tài sản số 168.14.05/CTTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 ký với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, hợp đồng thuê tài sản số C1407068H2 ngày 28 tháng 7 năm 2014 và Hợp đồng số C140707802 ngày 05 tháng 8 năm 2014 ký với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chaillease, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	141.680.480
Mua sắm	311.320.000
Số dư cuối năm	453.000.480
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	88.112.232
Khấu hao trong năm	69.643.154
Số dư cuối năm	157.755.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	53.568.248
Số dư cuối năm	295.245.094

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu/phải nộp		Số đã thực nộp	
	Số đầu năm VND	trong năm VND	trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	59.915.408	59.915.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.046.410	-	47.949.725	150.996.135
Thuế thu nhập cá nhân	508.538.760	508.538.760	-	-
Cộng	611.585.170	508.538.760	107.865.133	210.911.543
a. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	250.506.569	11.776.462.678	11.948.244.159	78.725.088
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.111.001.329	1.111.001.329	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	312.771.709	582.672.294	895.444.003	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.158.338	6.733.262.096	6.158.107.793	578.312.641
Thuế khác	-	1.066.040.721	1.066.040.721	-
Cộng	566.436.616	21.269.439.118	21.178.838.005	657.037.729
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>611.585.170</i>			<i>210.911.543</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>566.436.616</i>		<i>21.178.838.005</i>	<i>657.037.729</i>

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm, sửa chữa (i)	2.553.884.000	2.176.781.935
(i) Chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình sửa chữa, lắp đặt để hình thành tài sản cố định		

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000
	750.000.000	750.000.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín, do đó, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày theo giá gốc.

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (i)	110.750.000.000	110.750.000.000
	110.750.000.000	110.750.000.000

(i) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	378.535.275
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	378.535.275

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	19.894.819.894	19.894.819.894	58.108.098.696	58.108.098.696
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	32.185.758.591	32.185.758.591	49.454.584.148	49.454.584.148
- Phải trả cho các đối tượng khác	15.756.174.198	15.756.174.198	4.615.258.371	4.615.258.371
Cộng	67.836.752.683	67.836.752.683	112.177.941.215	112.177.941.215

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	7.661.717.527	13.923.541.161
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	3.087.489.295	3.707.682.467
- Trích trước lợi nhuận cổ đông	1.707.903.047	-
- Trích trước chi phí bảo trì, bảo hành	512.914.077	866.707.794
- Trích trước tiền thuê văn phòng	-	532.964.651
- Trích trước chi phí lãi vay	143.708.700	242.947.299
- Các khoản trích trước khác	477.592.105	591.095.960
Cộng	13.591.324.751	19.864.939.332

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, lợi nhuận cổ đông, hoa hồng bán máy móc thiết bị và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác. Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ phải trả cho các đối tác và khẳng định rằng chi phí phải trả thực tế sẽ không chênh lệch trọng yếu với chi phí đã ước tính và ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.347.367.445
- Kinh phí công đoàn	515.600.497	437.603.339
- Bảo hiểm xã hội	287.588.615	-
- Bảo hiểm y tế	54.095.035	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.879.570	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	717.722.657	2.411.121.698
Cộng	1.598.886.374	4.196.092.482
b. Dài hạn		
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	27.610.636.745	22.454.252.812
Cộng	27.610.636.745	22.454.252.812

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân để mua máy móc liên quan đến dự án liên kết.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	29.838.092.950	29.838.092.950	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	-	29.838.092.950	29.838.092.950	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	1.604.800.000	1.604.800.000	1.000.000.000	1.604.800.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định	604.800.000	604.800.000	-	604.800.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chaillease	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372
Tổng	13.617.281.968	13.617.281.968	42.850.574.918	43.455.374.918	13.012.481.968	13.012.481.968

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	4.314.400.000	4.314.400.000	-	2.814.400.000	1.500.000.000	1.500.000.000	
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	2.500.000.000	2.500.000.000	-	1.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định	1.814.400.000	1.814.400.000	-	1.814.400.000	-	-	
Nợ thuê tài chính dài hạn	31.406.975.907	31.406.975.907	-	12.012.481.968	19.394.493.939	19.394.493.939	
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chaillease (ii)	11.798.284.113	11.798.284.113	-	4.882.048.596	6.916.235.517	6.916.235.517	
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	19.608.691.794	19.608.691.794	-	7.130.433.372	12.478.258.422	12.478.258.422	
Tổng cộng	35.721.375.907	35.721.375.907	-	14.826.881.968	20.894.493.939	20.894.493.939	
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	13.617.281.968					13.012.481.968	
- Số phải trả sau 12 tháng	22.104.093.939					7.882.011.971	

(i) Ngày 22 tháng 7 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số tiền 4.500.000.000 đồng. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến ngày 15 tháng 7 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng hệ thống chụp cộng hưởng từ hiệu Hitachi, model: Airis Vento và quyền nhận tiền bảo hiểm theo các Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến các thiết bị này để thế chấp cho khoản vay này.

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chaillease được thanh toán trong vòng 60 tháng và chịu lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất cơ sở của các công ty cho thuê tài chính này cộng (+) biên độ 2,4% - 5%/năm. Nợ gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.000.000.000	1.604.800.000
Trong năm thứ hai	500.000.000	1.604.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	1.104.800.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.000.000.000	1.604.800.000
Số phải trả sau 12 tháng	500.000.000	2.709.600.000

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính				
Trong vòng một năm	13.327.023.769	13.393.917.394	12.012.481.968	12.012.481.968
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.591.825.828	21.624.860.742	7.382.011.971	19.394.493.939
Trừ: các khoản phí tài chính trong tương lai	1.524.355.658	3.611.802.229		
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	19.394.493.939	31.406.975.907	19.394.493.939	31.406.975.907
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			12.012.481.968	12.012.481.968
Số phải trả sau 12 tháng			7.382.011.971	19.394.493.939

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		(Lỗi lũy kế)		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(990.081.197.272)	556.420.076.830					
(Lỗi) trong năm	-	-	-	(39.457.111.201)	(39.457.111.201)					
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.029.538.308.473)	516.962.965.629					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.516.010.563	10.516.010.563					
Số dư cuối năm nay	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.019.022.297.910)	527.478.976.192					

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 15, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

25. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	545.500.057.158	500.954.220.695
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	386.050.824.646	340.200.156.410
- Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	121.413.415.751	139.883.472.287
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.035.816.761	20.870.591.998
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	121.705.000	131.920.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.483.017.730	1.521.963.084
- Giảm giá hàng bán	2.022.619.047	-
- Hàng bán bị trả lại	1.460.398.683	1.521.963.084
	542.017.039.428	499.432.257.611

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	303.089.422.180	299.297.546.586
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	111.664.721.257	118.910.762.151
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.423.476.936	12.168.891.067
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.981.922.633)	(24.926.145.848)
	432.195.697.740	405.451.053.956

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	442.237.882	337.063.594
Lãi chênh lệch tỷ giá	347.831.127	23.985.370
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	100.139.076
	790.069.009	461.188.040

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	3.049.429.388	4.598.717.428
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	-	750.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá	920.966.381	1.652.045.591
Chi phí tài chính khác	8.456.990	52.626.990
	3.978.852.759	7.053.390.009

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	28.507.289.786	10.405.019.281
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	951.817	333.087.343
Các khoản khác	3.434.247.444	3.972.158.748
	31.942.489.047	14.710.265.372

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang	744.005.840	7.411.325.999
Các khoản bị phạt, truy thu	491.535.349	3.423.782.277
Các khoản khác	1.866.740.382	185.044.070
	3.102.281.571	11.020.152.346

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	32.856.704.087	79.185.420.794
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.676.163.950	55.023.227.301
- Chi phí tiền lương	13.883.333.960	11.378.782.856
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.297.206.177	12.783.410.637
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	91.952.874.908	49.303.450.965
- Chi phí tiền lương	25.869.259.824	26.883.512.558
- Các khoản chi phí bán hàng khác	66.083.615.084	22.419.938.407

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.499.084.933	-
Chi phí nhân viên	75.769.072.890	60.838.597.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.937.174.762	69.283.048.523
Chi phí dự phòng	(305.758.683)	28.448.215.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.689.455.324	41.632.278.222
Chi phí khác bằng tiền	10.800.107.507	23.235.146.509
	246.389.136.733	223.437.286.330

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	445.806.862
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	582.672.294	1.821.893.304
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	582.672.294	2.267.700.166

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	10.663.186.419	(37.409.757.047)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.596.714.450	7.870.087.663
Cộng: Các khoản dự phòng không tính chi phí hợp lý hợp lệ	-	24.836.414.839
Trừ: Các khoản hoàn nhập dự phòng đã loại khỏi chi phí hợp lý hợp lệ các năm trước	(1.305.758.683)	-
Biến động chênh lệch tạm thời	1.382.550.529	(1.101.730.060)
Chuyển lỗ	(14.295.769.727)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	2.229.034.310
Lỗ chịu thuế năm hiện hành	(959.077.012)	(8.034.018.915)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	445.806.862

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

34. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.516.010.563	(39.457.111.201)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	112.500.171	112.500.171
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	93	(351)

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	4.722.910.796	3.534.155.564
- Trên 1 năm đến 5 năm	7.680.656.261	7.584.369.055
- Trên 5 năm	-	362.209.091
	12.403.567.057	11.480.733.710

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 24 tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê số 1807/HĐTVP/2016 ngày 8 tháng 7 năm 2016 với giá thuê 132.810.000 đồng/tháng, có thời hạn 06 năm tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2016 và Hợp đồng thuê số 24/HĐTVP/2017/ICON4-T24 ngày 18 tháng 3 năm 2017 với giá thuê 35.910.000 đồng/tháng, có thời hạn 05 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 16 tổ 1 đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội với giá thuê 67.355.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2016 được gia hạn theo Phụ lục số 1.10.2016/7/HĐTN với thời hạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2017 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê kho của Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS tại Số 200/8 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội với giá thuê 97.625.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 5 cao ốc Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 104.019.573 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.
- Tổng số tiền thuê kho tại 92 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội với giá thuê 31.280.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 17 tháng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:


<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Công ty liên kết
Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	Công ty liên quan đến nhân viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Phát triển Giải pháp Y tế Việt Nam	Công ty liên quan đến nhân viên quản lý chủ chốt


Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng	121.705.000	131.920.000
Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	121.705.000	131.920.000
Mua hàng	236.400.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giải pháp Y tế Việt Nam	236.400.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	4.821.770.000	2.290.005.974


Đào Thị Hoa
Người lập biểu


Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng


Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 6 năm 2018



HẠN ĐỀ

T.H.H.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê
La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024.3683.0516

Số fax: 024.3683.0578